

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản số: 22/2018/HSST

Ngày 09 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Bình- Giáo viên trường trung học cơ sở xã Tứ Yên và bà Dương Thị Kim Dung- Giáo viên trường tiểu học xã Đồng Thịnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 26/12/2000; nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: hiện là học sinh Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Lập Thạch; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1976; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2018. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1965, (có mặt)

Trú tại: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Tiến Đ: Bà Kim Hồng Thanh, sinh năm 1983- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người bị hại: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962, (có mặt)

Trú tại: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/01/2018, bà Đỗ Thị T có kế hoạch đi chợ bán thuốc khoảng 3-4 ngày nên bà T có nhờ Đỗ Tiến Đ ở cùng thôn và gọi bà T là bác ruột hàng ngày sang nhà bà T trông coi nhà và cho gia súc, gia cầm ăn uống. Do đó, khoảng 17 giờ ngày 19/01/2018, Đ sang nhà bà T để trông nhà và cho chó, mèo, gia cầm ăn uống. Sau khi dọn dẹp và cho gia cầm ăn xong, Đ liền nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà T để đi sửa chiếc xe mô tô BKS 88C1-24194 của Đ. Vì trước đó, Đ thường xuyên ở nhà bà T và được bà T nhờ đặt mã số kết sắt nên Đ biết rõ nơi để chìa khóa nhà ở, chìa khóa và mã số kết sắt. Đ đi xuống bếp lấy chiếc chìa khóa để trong ngăn chặn bát rồi đi lên nhà lớn dùng chìa khóa mở cửa gian buồng ngủ của bà T. Đ đi vào trong buồng ngủ, mở cánh cửa tủ đựng bằng gỗ hai buồng đựng quần áo kê bên trái, giáp tường đốc gian buồng theo hướng từ ngoài vào trong lấy chìa khóa kết treo trong thành tủ. Sau đó, Đ mở kết sắt ra thấy ngăn nhỏ bên trong có một phong bì thư đựng tiền. Đ liền cầm lấy và đút vào túi quần. Do sợ bà T về sẽ biết việc mình trộm cắp tiền của bà nên Đ nghĩ tới việc tạo hiện trường giả. Đ để nguyên cánh cửa kết sắt trong trạng thái mở, cất chìa khóa kết sắt vào vị trí cũ và mở cả 02 cánh tủ gỗ này ra. Tiếp theo, Đ đi ra gian phòng khách, đi đến cửa sổ phía sau bên trái hướng từ ngoài vào trong nhà bà T mở sẵn then móc cửa sổ và đi ra ngoài đóng cửa buồng ngủ lại. Đ đi xuống bếp cất chìa khóa vào chặn bát rồi đi về nhà. Lúc này, Đ lấy 01 chiếc cửa sắt (loại cửa thường dùng cắt ống nhựa PVC) và quay lại nhà bà T đi ra sau nhà mở hai cánh cửa sổ lúc trước ra, dùng tay trái cầm cửa sắt cửa song cửa bằng gỗ thứ hai bên phải dứt rời khỏi khuôn cửa sổ. Sau đó Đ vứt đoạn song cửa sổ và chiếc cửa sắt xuống vườn sau nhà bà T và đi về nhà mở chiếc phong bì ra đếm được 22.000.000đ. Sáng ngày 20/01/2018, Đ đi xe máy BKS: 88C1-241.94 đến huyện B vào một hiệu xe máy Đ không nhớ tên trả tiền sửa chữa lắp các phụ kiện cho chiếc xe máy và chơi game điện tử, ăn tiêu sinh hoạt cá nhân hết số tiền 16.500.000đ. Ngày 20/01/2018, bà T về nhà phát hiện bị trộm cắp tài sản và có đơn trình báo gửi Công an huyện Sông Lô. Ngay sau khi nhận được tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô triệu tập Đ đến làm việc.

Vật chứng vụ án:

Thu giữ của bà Đỗ Thị T 02 cánh cửa bằng gỗ sơn màu xanh, đã cũ, kích thước 130,5cm x 46cm x 03 cm. Ngày 20/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã trả lại bà T 02 cánh cửa trên.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn song cửa bằng gỗ kích thước 54cm x 2,5cm x 2,5cm do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho ông Đỗ Văn K (bố bị cáo Đ) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, vỏ màu xanh, BKS: 88C1 - 24194; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88C1 - 24194 mang tên Đỗ Tiến Đ; 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng gold, đã cũ, mặt sau và thành máy dán đề can màu tím, bên trong có sim số

thuê bao 0981648446; số tiền 5.500.000đ thu giữ của Đỗ Tiến Đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/3/2018, đại diện gia đình bị cáo Đ là ông Đỗ Văn K đã trả cho bà Đỗ Thị T số tiền 22.000.000đ. Sau khi nhận lại số tiền, bà T không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường gì. Ông K cũng không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại cho ông. Do đó về trách nhiệm dân sự của vụ án không đặt ra để giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đỗ Tiến Đ đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 19/CTVKKS ngày 12 tháng 5 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Đỗ Tiến Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Đỗ Tiến Đ. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, 5 Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Tiến Đ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Tiến Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và người được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn song cửa bằng gỗ kích thước 54cm x 2,5cm x 2,5cm do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho ông Đỗ Văn K (bố bị cáo Đ) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, vỏ màu xanh, BKS: 88C1 - 24194; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88C1 - 24194 mang tên Đỗ Tiến Đ; 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng gold, đã cũ, mặt sau và thành máy dán đề can màu tím, bên trong có sim số thuê bao 0981648446; số tiền 5.500.000đ thu giữ của Đỗ Tiến Đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về các nội dung bị cáo đã trình bày và phát biểu tranh luận xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối lỗi, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, gia đình bị cáo là gia đình văn hóa, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Tiến Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 17/01/2018, tại thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Tiến Đ đã có hành vi trộm cắp số tiền 22.000.000đ của bà Đỗ Thị T.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén lút của bị cáo Đỗ Tiến Đ chiếm đoạt tài sản của bà Đỗ Thị T tại thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 22.000.000đ vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 17/01/2018 đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Do đó bản cáo trạng số: 19/CTVKS ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đỗ Tiến Đ

về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ, đang ngồi trên ghế nhà trường không chịu tu dưỡng rèn luyện học tập tốt, ham chơi đua đòi để có tiền tiêu sài cá nhân đã trộm cắp tài sản của chính bố ruột của bị cáo, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tài sản nhưng gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho người bị hại, người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo Đ phạm tội khi mới 17 tuổi 21 ngày. Do đó, Hội đồng xét xử còn áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo quy định tại Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo chưa đến mức phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù với mức án tương xứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, còn là học sinh sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/3/2018, đại diện gia đình bị cáo Đ là ông Đỗ Văn K đã trả cho bà Đỗ Thị T số tiền 22.000.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà T không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường gì. Ông K cũng không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại cho ông. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn song cửa bằng gỗ kích thước 54cm x 2,5cm x 2,5cm do không còn giá trị sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, vỏ màu xanh, BKS: 88C1 - 24194; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88C1 - 24194 mang tên Đỗ Tiến Đ. Tại phiên tòa bà T, ông K và bị cáo Đ đều trình bày là bà T mua cho bị cáo Đ và đều thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho đại diện gia đình bị cáo Đ là ông Đỗ Văn K. Đối với số tiền 5.500.000đ thu giữ của bị cáo Đ, 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng gold, đã cũ, mặt sau và thành máy dán đề can màu tím, bên trong có sim số thuê bao 0981648446 tại phiên tòa ông K và bị cáo Đ đều đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông K (bố bị cáo Đ) là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Tiến Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Tiến Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tiến Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Tiến Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và người được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn song cửa bằng gỗ kích thước 54cm x 2,5cm x 2,5cm do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho ông Đỗ Văn K (bố bị cáo Đ) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, vỏ màu xanh, BKS: 88C1 - 24194; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88C1 - 24194 mang tên Đỗ Tiến Đ; 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng gold, đã cũ, mặt sau và thành máy dán đề can màu tím, bên trong có sim số thuê bao 0981648446; số tiền 5.500.000đ thu giữ của Đỗ Tiến Đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Bị cáo Đỗ Tiến Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người đại diện cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Chi cục Thi hành án huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Ủy ban nhân dân xã Lãng Công ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại ;
- Người đại diện cho bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn..

Trần Thị Huệ